

Bản án số 79/2019/HSST
Ngày 30/9/2019

NHÂN DANH
N- ÓC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HOÁ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Ph- ơng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Hải
2. Ông Lê Thanh Bình

Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Hoàng Hoá

Đại diện VKSND huyện Hoàng Hoá tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Đỗ Diệu Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoàng Hoá mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 70/2019/HSST ngày 27 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Xuân Q - Sinh ngày 12 tháng 8 năm 1989 tại xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ĐKKHKT: Thôn 7, xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố: Không xác định; Mẹ: Lê Thị D; bị cáo là con duy nhất trong gia đình, chưa có vợ con.

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 21 tháng 6 năm 2019 bị Công an xã Hoàng Thành xử phạt vi phạm hành chính về Hành vi Công nhiên chiếm đoạt tài sản. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Hoàng Hóa. Có mặt.

Người bị hại:

Ông Nguyễn Phú T- sinh năm 1957

Trú tại: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Ông Nguyễn Mạnh H- sinh năm 1958

Trú tại: Số nhà 58, phố V, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Ngọc P- sinh năm 1969

Trú tại: Thôn 1, xã X, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bà Lê Thị Đ- sinh năm 1971

Trú tại: Thôn Q, xã Đ, Thành phố T, Tỉnh Thanh Hóa.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 06h ngày 20/6/2019, Lê Xuân Q từ nhà ở xã X xin đi nhờ xe của người đi đường đến khu vực thôn L xã Đ, huyện H xuống xe đi bộ dọc đường với mục đích trộm cắp tài sản lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khi đi đến quán ăn sáng TH ở thôn L xã Đ phát hiện có 01 xe máy nhãn hiệu Backhand màu sơn xanh BS 36L8-0215 của ông Nguyễn Phú T – SN 1957 ở thôn N xã T đang dựng trên vỉa hè, chìa khóa cắm tại ổ điện. Lợi dụng không có người trông coi, Q đi lại dắt lùi xe xuống đường rồi nổ máy điều khiển xe đến cửa hàng thu mua phế liệu của Nguyễn Ngọc P, SN 1969 ở thôn 1 xã X bán cho Phương lấy 500.000đ chi tiêu cá nhân hết. Theo báo cáo của bị hại Nguyễn Phú T chiếc xe mô tô 36L8-0215 mua năm 2006 trị giá 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng), trị giá hiện tại khoảng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Tại Kết luận định giá tài sản số 32/HĐĐG-HH ngày 26/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hoàng Hóa, kết luận: xe máy nhãn hiệu BACKHAND màu sơn xanh BS 36L8-0215 trị giá 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Vụ thứ hai: Sau khi chi tiêu hết số tiền nêu trên vào khoảng 07h ngày 21/6/2019, Lê Xuân Q tiếp tục từ nhà ra đường và đi nhờ xe của người đi đường ra TTB, Xuống xe đi bộ đến khu vực phố V, TTB phát hiện 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu sơn xám BS 36L3-0882 của ông Nguyễn Mạnh H – SN 1958 ở SN 58 phố V đang dựng ở vỉa hè, chìa khóa đang cắm ở ổ khóa cốp. Quan sát thấy không có người trông coi, Q lại rút chìa khóa cắm vào ổ khóa điện nổ máy điều khiển xe về hướng xã X. Đến khu vực cây xăng xã X, Q mở cốp lấy cờ lê có sẵn trong cốp tháo biển số cho vào cốp và điều khiển xe đến cửa hàng thu mua phế liệu của Lê Thị Đ, SN 1971 ở xã Đ, TP. T. Q dừng xe mở cốp yên xe mô tô lấy biển số bỏ vào túi nilong màu đen và dắt xe bán cho bà Đ lấy 600.000đ. Trên đường về Q đem vứt biển số xe 36L3-0882 ở nóc trạm điện xã Đ rồi đi về nhà. Theo báo cáo của bị hại Nguyễn Mạnh H, chiếc xe mô tô 36L3-0882 mua năm 2005 trị giá 25.000.000đ (Hai lăm triệu đồng), trị giá hiện tại khoảng 8.000.000đ (tám triệu đồng). Tại Kết luận định giá tài sản số 22/HĐĐG-HH ngày 26/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, kết luận: xe máy nhãn hiệu YAMAHA JUPITER màu sơn xám BS 36L3-0882 trị giá 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Sau khi định giá tài sản, Cơ quan điều tra Công an huyện H đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, biết không thể trốn tránh trước pháp luật. Đến 12h ngày 21/6/2019, Lê Xuân Q đến Cơ quan điều tra Công an huyện H đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được.

Vật chứng còn lại của vụ án : 01 chiếc cò lê đã qua sử dụng được thu giữ trong vụ án hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 72/CT-VKS-HS ngày 26/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Lê Xuân Q về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh điều luật nêu trên, sau khi đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 173 BLHS, điểm s, khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 , Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo: Lê Xuân Q từ 15 đến 18 tháng tù;

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS trả lại vật chứng là 01 cò lê đã qua sử dụng cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Mạnh H.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST là 200.000đ

Bị cáo Lê Xuân Q đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa truy tố; Bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội của bị cáo Lê Xuân Q: Tại phiên tòa bị cáo Lê Xuân Q đã thành khẩn khai nhận: Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã nảy sinh ý đồ trộm cắp tài sản và trong hai ngày 20/6, 21/6

năm 2019 bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội: Khoảng 06h ngày 20/6/2019 bị cáo trộm cắp 01 xe máy nhãn hiệu Backhand màu sơn xanh BS 36L8-0215 của ông Nguyễn Phú T – SN 1957 ở thôn N xã X, đang dựng trên vỉa hè của quán ăn sáng T L thuộc thôn N xã X, huyện H. Chiếc xe sau đó được định giá = 2.500.000đ; Vào khoảng 07h ngày 21/6/2019, bị cáo trộm 1 xe máy JUPITER BKS 36L3- 0882 của ông Nguyễn Mạnh H đang dựng ở vỉa hè thuộc phố V thị trấn B, huyện H, có giá trị được định giá = 5.500.000đ.

Lời khai của bị cáo hoàn toàn thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ từ người làm chứng, người bị hại phù hợp với nội dung bản cáo trạng của VKSND huyện H nên HĐXX đã đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Lê Xuân Q đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[3] Xét tính chất của vụ án: Quyền sở hữu tài sản là quyền được luật pháp bảo vệ, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ tài sản để chiếm đoạt tài sản rồi mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an, gây hoang mang trong cộng đồng dân cư, bị cáo đã từng có tiền sự về hành vi xâm phạm về quyền sở hữu tài sản vào tháng 6/2019, đến nay lại tiếp tục phạm tội tương tự hai lần, nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo, răn đe và làm gương trong xã hội.

Xét các tình tiết tăng nặng: Trong hai ngày bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng “*phạm tội nhiều lần*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS;

Xét các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ra đầu thú, tài sản đã được trả lại đầy đủ cho bị hại, bị hại không yêu cầu gì nên bị cáo được hưởng tình tiết quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Về trách nhiệm dân sự: 01 xe máy nhãn hiệu BACKHAND màu sơn xanh BS 36L8-0215 đã được trả lại cho ông Nguyễn Phú T và xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu sơn xám BS 36L3-0882 đã được trả lại cho ông Nguyễn Mạnh H, các bị hại đã được nhận lại tài sản không có yêu cầu gì nên miễn xét;

Số tiền 500.000đ do bán chiếc xe máy BACKHAND cho ông Nguyễn Ngọc P và số tiền 600.000đ có được do bán chiếc xe JUPITER cho bà Lê Thị Đ, ông P và bà Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường nên miễn xét;

[5] Về tang vật chứng của vụ án: Bị cáo có lấy 01 chiếc cờ lê trong cốp xe để tháo biển số xe của ông Nguyễn Mạnh H, chiếc cờ lê này là của ông Nguyễn Mạnh H nên tuyên trả lại cho ông Nguyễn Mạnh H.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Xuân Q phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt: Bị cáo Lê Xuân Q 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/6/2019.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Xuân Q phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS: Trả lại cho ông Nguyễn Mạnh H 01 chiếc cờ lê đã qua sử dụng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H theo Biên bản giao nhận vật chứng số 79/BBGN hồi 15g 40' ngày 11/9/2019

Tr- ờng hợp bản án đ- ọc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc c- ồng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ- ọc quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo đ- ọc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Tòa án nhân dân Tỉnh
- Viện kiểm sát HH
- Thi hành án HH
- UBND xã
- Bị cáo
- L- u

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
đã ký

Lê Thị Ph- ơng Thanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Ngọc Năm

Đỗ Thị Vân

Lê Thị Ph- ong Thanh

